

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LIÊN DOANH LỘC PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LIÊN DOANH LỘC PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109392669

**3. Ngày thành lập:** 27/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 86 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                          | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                    | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                              | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                               | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                   | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                        | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                         | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                          | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                   | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                            | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                      | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                 | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                     | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                          | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                      | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                      | 4322        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                             | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                             | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                        | 4390        |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất công trình | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động đo đạc và bản đồ;</li> <li>- Khảo sát địa hình;</li> <li>- Khảo sát địa chất công trình;</li> <li>- Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp;</li> <li>- Thiết kế cơ - điện công trình;</li> <li>- Thiết kế cấp - thoát nước công trình;</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;</li> <li>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình;</li> <li>- Thiết kế, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy;</li> <li>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng;</li> <li>- Tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng;</li> <li>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Tư vấn lập quy hoạch xây dựng;</li> <li>- Lập, thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; Báo cáo nghiên cứu khả thi; Báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án đầu tư xây dựng công trình, đề xuất chủ trương đầu tư;</li> <li>- Tư vấn đấu thầu (trừ hoạt động kiểm toán).</li> </ul> | 7110 |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663 |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4752 |
| 24. | <p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại, sắt, thép</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4662 |
| 25. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</li> </ul> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4659 |
| 26. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón và hóa chất (trừ loại hóa chất nhà nước cấm), chất dẻo dạng nguyên sinh, cao su, tơ, xơ, sợi dệt, phụ liệu may mặc và giày dép, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. | 4669 |
| 28. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa.                                                                                                                                                             | 4610 |
| 29. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                         | 4651 |
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                          | 4652 |
| 31. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                | 4661 |
| 32. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                              | 4631 |
| 33. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                          | 4632 |
| 34. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                            | 4633 |
| 35. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                        | 4641 |
| 36. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ bán buôn dược phẩm)                                                                                                                                                                                              | 4649 |
| 37. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                    | 4761 |
| 38. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                     | 4759 |
| 39. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                     | 8560 |
| 40. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                  | 8230 |
| 41. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                    | 3821 |
| 42. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                          | 3822 |
| 43. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                                           | 3900 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.200.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐINH THỊ TUYẾT NHUNG | Số 12 ngõ 780 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.820.000.000         | 35,000    | 012469256                                                                                                                                         |         |

|   |                   |                                                                                                       |               |        |           |  |
|---|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | ĐINH THỊ THÚY ĐẠT | Số 53 Hàng Buồm, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                         | 1.040.000.000 | 20,000 | 012132513 |  |
| 3 | LÊ MINH MẠNH      | Số 25 ngõ 318/146 phố Ngọc Trì, tổ 9, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | 1.040.000.000 | 20,000 | 013527786 |  |
| 4 | TRẦN THỊ LUẬN     | Thôn 6, Xã An Bình, Huyện Văn Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam                                             | 1.040.000.000 | 20,000 | 060636568 |  |
| 5 | VŨ THỊ DUNG       | Số 252 ngõ 358/40/30 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 260.000.000   | 5,000  | 013378953 |  |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐINH THỊ TUYẾT NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/08/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012469256

Ngày cấp: 23/04/2013

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12 ngõ 780 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 12 ngõ 780 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội